THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 28, 2022

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

Academic Results of 2021-2022 School Year

Lớp: 6/12
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Foreign Language (English)	GDCD *Civic Education*	Lịch sử & Địa lí *History & Geography*	Khoa học tự nhiên *Natural Sciences*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Trần Nguyễn Song An	9.3	9.9	9.8	9.7	10	9.8	9.8	9.7	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
2	Phan Trí Dũng	8.6	8.9	9.5	9.7	9.7	9.6	9.6	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
3	Trần Tấn Dũng	6.3	5.8	7.3	8.2	6.3	6.3	8.0	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
4	Nguyễn Bảo Đan	6.7	7.4	8.7	8.3	7.9	8.1	8.9	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
5	Phan Hải Đăng	6.6	6.5	6.3	8.4	7.1	8.2	8.3	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
6	Lê Khang	9.2	9.9	9.5	9.8	10	9.9	9.9	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
7	Ngô Minh Khang	7.7	7.6	7.9	8.8	8.6	8.5	9.4	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
8	Nguyễn Tuấn Kiệt	6.2	6.1	5.8	8.1	8.6	8.4	8.6	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
9	Phạm Wagner Annabelle Ly	8.2	7.7	8.9	9.2	9.1	9.1	9.3	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
10	Hung Tú Nghi	8.8	9.5	9.7	9.7	9.9	9.8	10	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
11	Huỳnh Hải Nghi	8.8	9.7	9.4	9.6	9.9	9.6	9.7	9.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
12	Huỳnh Phương Nghi	9.4	9.9	9.7	9.9	9.9	9.9	10	9.7	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
13	Nguyễn Ngọc Linh Nhi	9.1	9.3	9.1	9.6	9.9	9.6	9.6	9.6	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
14	Lê Ngọc Khánh Phương	8.7	7.5	9.0	9.2	9.6	9.3	9.4	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
15	Nguyễn Ten	7.3	6.5	6.4	9.0	7.7	8.2	8.3	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
16	Nguyễn Đức Thịnh	6.6	6.5	5.8	8.2	7.1	7.5	9.0	8.5	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
17	Lương Kiến Tường	6.4	6.5	5.7	8.6	6.7	6.7	7.9	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
18	Lê Hoàng Như Ý	9.0	9.8	9.4	9.6	9.8	9.5	9.8	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT

GVCN/*Class Teacher*

Lê Thị Hà

GĐCTVN/*VP. Manager*

Nguyễn Thị Thanh Nga

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 28, 2022

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

Academic Results of 2021-2022 School Year

Lớp: 6/13
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Foreign Language (English)	GDCD *Civic Education*	Lịch sử & Địa lí *History & Geography*	Khoa học tự nhiên *Natural Sciences*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Trần Nhật Anh	6.4	6.5	5.7	8.3	8.4	8.3	8.6	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
2	Lê Phước Hoàng Bảo	9.1	8.4	8.9	8.5	9.1	9.0	9.3	8.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
3	Lao Phương Chi	8.0	6.2	5.8	8.9	7.1	8.0	8.5	8.5	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
4	Nguyễn Trí Dũng	8.4	8.2	7.1	9.0	9.1	8.6	9.4	8.9	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
5	Vũ Đức Minh Đăng	8.0	7.0	9.0	8.7	8.9	8.2	8.8	7.9	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
6	Phạm Trung Hải	8.5	8.5	9.0	8.1	9.2	9.4	8.9	8.9	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
7	Phan Trần Ngọc Hân	8.0	6.6	5.6	8.1	8.6	9.0	9.1	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
8	Phạm Chấn Hưng	8.4	8.2	8.0	9.3	9.4	8.4	8.8	8.0	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
9	Nguyễn Hoàng Khang	8.3	7.4	8.9	8.4	9.0	9.0	8.7	8.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
10	Nguyễn Lê Gia Khang	7.9	7.4	8.6	8.5	8.8	8.8	9.3	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
11	Lê Nguyễn Quỳnh Lam	9.2	8.0	9.1	9.5	9.0	9.1	9.0	9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
12	Nguyễn Lê Thiện Minh	9.1	7.8	9.6	9.3	9.6	9.8	9.8	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
13	Vũ Nguyễn Đức Minh	8.2	7.1	7.3	8.8	8.1	8.1	8.9	8.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
14	Nguyễn Hữu Phương Nghi	9.5	9.9	9.3	9.4	9.1	9.6	9.8	9.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
15	Kim Hồng Ngọc	7.5	7.1	7.4	7.0	7.1	6.9	8.7	7.6	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
16	Nguyễn Vũ Mai Phương	8.9	8.1	9.1	9.1	9.8	9.5	9.6	9.1	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
17	Võ Nhật Nam Phương	7.5	7.7	6.6	8.6	8.4	8.1	8.7	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
18	Nguyễn Ngọc Như Thúy	9.1	8.9	8.5	8.3	8.3	9.2	9.2	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
19	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	8.3	7.6	7.0	7.8	7.6	7.6	9.0	7.8	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
20	Vũ Hải Vy	8.5	6.8	8.7	8.5	9.3	8.1	9.2	8.0	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT

GVCN/*Class Teacher*

Trần Thị Thu Dung

GĐCTVN/*VP. Manager*

Nguyễn Thị Thanh Nga

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 28, 2022

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

Academic Results of 2021-2022 School Year

Lớp: 6/14
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Foreign Language (English)	GDCD *Civic Education*	Lịch sử & Địa lí *History & Geography*	Khoa học tự nhiên *Natural Sciences*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Phạm Tâm An	8.2	7.5	8.5	9.1	7.8	8.9	9.2	8.9	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
2	Đỗ Trần Phương Anh	8.0	5.5	6.6	8.3	7.3	7.1	8.9	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
3	Nguyễn Hoàng Bảo	8.8	8.4	8.5	9.3	9.6	8.8	9.2	8.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
4	Phạm Phạm Băng Băng	7.4	6.4	7.1	8.0	8.2	7.1	8.4	7.1	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
5	Nguyễn Mạnh Dũng	7.5	7.1	7.2	8.5	8.5	8.3	9.0	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
6	Dương Bảo Hân	8.5	8.8	6.0	9.3	8.6	8.2	9.0	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
7	Hoàng Nam Khang	6.7	5.7	7.0	8.4	7.6	7.0	8.5	7.4	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
8	Nguyễn Thường Tuấn Khoa	8.0	8.2	9.5	7.7	7.5	8.7	8.3	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
9	Phạm Hoàng Anh Khôi	7.6	7.0	6.7	7.8	8.5	8.5	8.4	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
10	Lê Nhã Vinh Kỳ	8.9	8.1	7.9	9.6	9.5	9.4	9.4	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
11	Phạm Hoàng Anh Minh	8.1	7.4	5.4	8.8	8.5	8.3	8.5	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
12	Phan Hải Nam	7.9	6.2	7.2	8.7	8.3	7.7	8.4	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
13	Lê Đông Quân	5.5	4.0	4.7	6.7	6.7	5.1	6.8	7.5	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	KHÁ
14	Nguyễn Phạm Trí Tài	7.3	6.9	8.5	8.5	8.3	7.9	7.9	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
15	Nguyễn Thành Tài	7.1	6.0	8.5	8.6	8.5	7.7	8.1	8.5	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
16	Nguyễn Thành Tài	8.3	7.8	8.2	9.2	8.2	8.2	8.8	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
17	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	8.6	9.1	8.7	8.8	9.1	9.5	9.1	8.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
18	Nguyễn Bảo Trâm	9.2	9.4	9.2	9.8	9.7	9.8	9.9	9.6	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
19	Ngô Thanh Vân	7.5	7.2	7.2	8.3	7.9	7.9	8.4	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
20	Đinh Nguyễn Thiên Ý	8.5	8.1	8.5	9.4	9.2	8.5	8.8	8.9	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT

GVCN/*Class Teacher*

Lê Thị Xuyên

GĐCTVN/*VP. Manager*

Nguyễn Thị Thanh Nga

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 28, 2022

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

Academic Results of 2021-2022 School Year

Lớp: 6/15
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Foreign Language (English)	GDCD *Civic Education*	Lịch sử & Địa lí *History & Geography*	Khoa học tự nhiên *Natural Sciences*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Vũ Ngọc Quỳnh Anh	9.2	9.4	9.3	9.8	9.9	9.5	9.8	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
2	Ngô Bảo Châu	9.0	8.8	7.2	9.9	9.7	9.5	9.2	9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
3	Đào Hoàng Linh Đan	9.1	8.0	8.2	9.0	9.7	9.2	9.8	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
4	Nguyễn Viết Hải	7.2	7.7	6.6	8.6	8.5	8.3	8.9	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
5	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	8.8	8.0	8.1	9.2	9.8	9.1	9.9	9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
6	Lê Bá Đăng Khoa	8.9	9.7	9.1	9.4	9.9	9.8	9.8	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
7	Mạc Đăng Khoa	7.7	6.8	7.6	8.8	8.6	8.1	9.0	8.0	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
8	Nguyễn Duy Long	6.8	5.1	5.6	8.4	7.0	7.5	7.7	6.9	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
9	Nguyễn Hạnh Nghi	8.7	8.3	9.1	9.2	9.9	9.6	9.6	9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
10	Đặng Hoàng Bảo Ngọc	9.1	7.1	8.0	9.1	9.6	9.0	9.6	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
11	Nguyễn Hoàng Bá Nguyên	8.4	9.8	9.2	9.3	9.5	9.8	9.8	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
12	Bùi An Nhiên	8.5	8.8	9.1	9.5	9.3	9.7	9.5	8.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
13	Dư Đức Phú	5.9	5.7	5.7	7.9	7.2	7.0	8.4	6.4	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
14	Dương Tố Quyên	9.5	9.2	7.5	9.4	9.9	9.5	9.9	9.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
15	Hồ Khải Quỳnh	9.5	8.5	9.5	9.6	9.7	9.6	9.6	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
16	Nguyễn Trúc Quỳnh	8.2	8.0	8.9	9.0	9.1	8.8	9.9	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
17	Hồng Văn Tài	7.3	6.9	5.1	7.9	7.9	7.0	8.5	6.9	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
18	Đinh Nguyễn Hoàn Thiện	8.3	8.1	6.5	9.1	9.6	9.3	9.3	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
19	Nguyễn Huỳnh Như Ý	7.1	3.6	5.5	8.3	7.5	6.1	8.3	7.5	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
20	Nguyễn Phúc Tiến	7.3	6.8	7.6	8.7	8.6	8.1	8.3	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
21	Jiang Zheng Yi (Tưởng Chính Di)	9.0	9.0	9.2	9.5	9.8	9.7	9.6	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT

GVCN/*Class Teacher*

Lê Thị Anh Trang

GĐCTVN/*VP. Manager*

Nguyễn Thị Thanh Nga

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 28, 2022

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

Academic Results of 2021-2022 School Year

Lớp: 6/16
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Foreign Language (English)	GDCD *Civic Education*	Lịch sử & Địa lí *History & Geography*	Khoa học tự nhiên *Natural Sciences*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Trần Phạm Phương Anh	8.7	8.1	8.3	9.4	8.8	9.4	8.9	9.1	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
2	Trần Bảo Châu	8.0	7.4	7.8	8.7	8.4	8.9	8.3	8.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
3	Nguyễn Bá Dũng	7.5	6.7	6.5	8.2	8.1	8.4	8.2	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
4	Bùi Võ Hoàng Gia	7.4	6.5	5.9	7.4	8.1	8.1	8.7	7.8	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
5	Nguyễn Vĩnh Giang	8.1	7.1	7.7	8.3	8.5	8.6	9.0	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
6	Giang Gia Hân	6.6	5.4	5.5	8.3	7.3	7.3	8.5	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
7	Yun Nguyễn Keon Hee	8.4	6.9	7.2	9.3	8.9	8.8	8.6	9.1	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
8	Phạm Gia Huy	7.6	5.8	6.7	8.3	7.3	7.7	8.6	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
9	Hoàng Gia Khang	7.6	5.6	5.2	7.8	6.9	6.6	8.6	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
10	Nguyễn Lê Ngân Khánh	8.3	8.3	8.0	9.0	9.1	9.7	9.6	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
11	Trần Tuệ Lâm	8.6	8.2	7.7	9.2	9.4	8.7	9.8	9.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
12	Phan Trọng Minh	7.5	5.0	5.8	8.3	7.2	6.8	8.4	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
13	Lâm Ngô Linh Ngân	8.0	6.2	7.5	9.0	7.8	7.6	9.1	8.9	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
14	Nguyễn Ngô Bảo Ngân	8.5	6.7	7.4	9.2	8.6	8.2	8.7	9.1	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
15	Lâm Trí Nguyên	5.6	6.7	5.9	8.2	7.2	9.0	7.5	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
16	Võ Duy Nguyên	7.3	7.6	7.3	8.7	7.0	8.0	8.8	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
17	Navalle Phan Đoàn Hoàng Phúc	8.0	6.6	6.0	9.0	7.7	8.0	9.2	9.5	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
18	Phạm Nguyễn Quang Thái	8.7	8.2	8.4	9.2	9.0	9.5	9.1	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
19	Phan Ngọc Thảo	8.9	6.5	7.3	8.8	8.1	8.8	9.5	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
20	Nguyễn Hữu Trường Thịnh	8.6	7.7	8.0	8.8	8.6	8.8	8.9	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
21	Lê Võ Anh Thư	8.7	8.6	6.0	9.3	8.6	8.8	9.7	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
22	Lê Ngọc Bảo Uyên	7.7	6.5	6.3	8.7	8.4	7.7	8.8	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
23	Nguyễn Hoàng Như Ý	8.8	8.2	5.8	9.5	8.1	8.8	9.5	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
24	Wu Zihao	6.7	6.8	5.9	8.0	7.0	7.2	8.1	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT

GVCN/*Class Teacher*

Nguyễn Thị Thu Thảo

GĐCTVN/*VP. Manager*

Nguyễn Thị Thanh Nga

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 28, 2022

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

Academic Results of 2021-2022 School Year

Lớp: 6/17
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Foreign Language (English)	GDCD *Civic Education*	Lịch sử & Địa lí *History & Geography*	Khoa học tự nhiên *Natural Sciences*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Vũ Minh Anh	9.2	9.3	9.3	9.5	9.4	9.9	9.5	9.7	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
2	Nguyễn Võ Anh Ca	6.6	5.7	5.2	6.8	5.7	5.5	7.8	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
3	Phạm Tiến Bảo	7.4	5.9	8.1	7.5	6.5	7.2	8.3	8.0	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
4	Lennartz Edwin Vũ Danny	7.0	6.6	7.4	7.5	7.9	8.2	8.9	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
5	Nguyễn Ngọc Thiên Duyên	8.6	8.8	8.8	9.1	9.1	9.6	9.3	9.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
6	Lee Nhã Đình	8.8	5.8	7.7	9.0	7.8	8.8	9.1	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
7	Huỳnh Minh Hà	7.7	7.0	7.5	8.3	9.1	9.1	9.1	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
8	Trương Thanh Hằng	9.0	8.9	8.8	9.1	8.0	9.2	8.8	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
9	Ngô Thành Hưng	8.4	6.2	6.9	8.9	8.6	8.8	9.0	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
10	Đào Huỳnh Tuệ Lam	8.6	7.1	8.8	9.6	9.0	9.4	9.0	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
11	Trần Thanh Thùy Lâm	8.9	8.5	7.6	9.6	9.0	9.0	9.2	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
12	Nguyễn Phan Thiên Lộc	7.8	7.2	7.9	7.7	7.6	8.5	7.4	9.1	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
13	Lee Su Min	6.6	5.5	5.3	7.1	6.1	6.2	7.2	8.4	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
14	Bùi Đức Minh	8.1	6.0	5.6	7.9	7.7	8.0	8.2	7.8	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
15	Đàm Trần Thu Minh	8.6	6.0	6.9	8.9	8.8	7.2	9.1	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
16	Đặng Thành Nguyên	8.1	7.7	7.3	8.7	8.7	9.6	9.5	8.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
17	Võ Khánh Phương	8.1	7.0	6.7	9.0	8.0	8.5	8.9	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
18	Lê Minh Quân	7.2	8.2	6.9	8.0	7.6	9.1	9.1	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
19	Huỳnh Phúc Thiện	8.5	6.3	5.4	9.0	7.5	7.7	9.3	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
20	Lê Thái Bảo Trân	8.5	8.0	6.7	9.5	9.0	8.8	8.6	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
21	Nguyễn Hoàng Khôi Vĩ	7.6	5.6	7.1	7.9	7.3	7.1	8.6	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
22	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8.7	5.5	6.3	8.8	7.8	8.1	9.4	8.4	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
23	Kang My Yeon	8.0	6.6	5.4	7.6	7.1	8.6	8.4	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT

GVCN/*Class Teacher*

Nguyễn Thị Mai Hiền

GĐCTVN/*VP. Manager*

Nguyễn Thị Thanh Nga

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 28, 2022

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

Academic Results of 2021-2022 School Year

Lớp: 6/18
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Foreign Language (English)	GDCD *Civic Education*	Lịch sử & Địa lí *History & Geography*	Khoa học tự nhiên *Natural Sciences*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Đức Anh	8.1	8.4	8.0	9.0	9.3	9.6	9.6	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
2	Phạm Quỳnh Anh	8.7	9.1	8.6	9.8	9.8	9.6	9.7	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
3	Nguyễn Đặng Ngọc Bảo	8.2	7.7	7.1	8.9	8.4	8.0	9.4	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
4	Đoàn Mỹ Châu	8.8	8.8	7.5	9.4	9.8	9.0	9.4	9.1	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
5	Trần Thanh Quỳnh Chi	8.6	7.4	8.5	9.2	9.2	8.7	9.1	9.1	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
6	Kang Chi Hu	7.5	7.2	5.4	8.4	8.1	6.6	8.7	8.0	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
7	Hồng Lưu Huy Khang	8.4	8.5	8.0	9.2	9.7	9.0	9.2	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
8	Nguyễn Phúc Khang	8.3	7.6	6.6	8.8	8.8	8.3	9.6	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
9	Lê Trung Kiên	6.2	5.1	5.4	8.3	7.2	7.3	8.6	6.6	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
10	Nguyễn Nhật Khánh Linh	8.5	8.5	7.7	9.2	8.9	8.8	8.9	9.1	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
11	Nguyễn Nhật Minh	6.9	5.4	5.3	8.8	8.3	6.3	9.2	7.5	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
12	Nguyễn Phương Nam	6.0	4.7	5.0	7.8	8.3	7.4	9.2	7.1	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
13	Lê Nguyễn Thành Nhân	8.2	8.5	8.3	8.8	8.9	9.4	9.5	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
14	Hồ Hoàng Gia Phát	7.8	6.0	7.8	9.1	9.4	9.0	9.3	7.8	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
15	Nguyễn Tấn Vĩnh Phát	7.7	7.1	7.5	8.7	9.1	8.4	9.1	8.4	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
16	Hồ Nguyên Phúc	8.1	6.6	9.0	8.7	8.5	8.2	9.2	8.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
17	Nguyễn Ngô Mai Phương	9.0	8.7	9.0	9.8	9.7	9.6	9.9	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
18	Lê Ngọc Minh Thư	8.4	7.0	8.3	9.7	9.5	9.1	9.8	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
19	Lê Trần Mai Thy	8.8	9.6	9.6	9.6	9.3	9.3	9.4	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
20	Bành Lê Diễm Trinh	8.5	9.2	7.4	9.2	9.7	9.1	9.6	9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
21	Đỗ Vũ Đức Trung	7.5	6.6	7.3	9.0	7.6	9.0	8.7	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
22	Trần Nguyễn Cát Tường	8.8	8.0	8.1	8.9	9.4	9.1	9.5	9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
23	Phạm Thị Khánh Vân	8.1	7.1	6.8	8.9	8.7	7.7	9.0	9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
24	Trần Thế Vương	6.8	5.6	5.1	7.8	6.9	6.9	8.6	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT

GVCN/*Class Teacher*

Ngô Thị Thu

GĐCTVN/*VP. Manager*

Nguyễn Thị Thanh Nga

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 28, 2022

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

Academic Results of 2021-2022 School Year

Lớp: 6/19
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Foreign Language (English)	GDCD *Civic Education*	Lịch sử & Địa lí *History & Geography*	Khoa học tự nhiên *Natural Sciences*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Minh Trí An	8.4	7.5	7.0	8.9	8.9	8.2	8.8	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
2	Huỳnh Ngọc Tuyết Anh	8.1	5.0	5.7	9.1	7.8	6.9	7.7	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
3	Trần Hoàng Vy Anh	9.0	7.8	8.1	9.1	9.1	9.0	9.2	9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
4	Lê Hồng Quỳnh Châu	8.2	7.8	8.8	8.1	8.7	8.2	9.1	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
5	Lê Diên Thiệu Du	7.2	4.3	7.4	7.8	6.2	5.4	7.7	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
6	Min Aung Hoàng Đan	9.5	9.5	9.7	9.5	9.7	9.7	9.5	9.8	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
7	Phan Viết Tiến Đạt	9.6	9.6	8.9	9.6	9.5	9.9	9.6	9.7	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
8	Phạm Nhã Đình	9.5	8.8	7.4	9.3	9.5	8.3	8.6	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
9	Trần Gia Hân	8.7	7.6	8.5	8.8	9.2	8.5	8.3	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
10	Bùi Minh Huy	8.5	8.0	8.8	8.9	9.3	8.1	8.8	8.9	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
11	Nguyễn Trung Kiên	9.2	8.2	7.6	9.1	8.8	8.8	8.9	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
12	Nguyễn Minh Kiệt	9.1	7.5	7.8	9.3	8.9	8.5	9.3	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
13	Nguyễn Hoàng Ngọc Linh	9.4	8.3	6.9	9.4	9.6	8.8	9.0	8.9	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
14	Nguyễn Hoàng Ngân	9.8	9.4	7.4	9.6	9.9	9.5	9.7	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
15	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	9.8	8.3	8.0	9.3	8.9	8.1	9.1	9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
16	Thạch Hiếu Thiên	8.0	8.0	9.4	9.2	8.7	8.5	8.3	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
17	Nguyễn Ngọc Yến Trang	9.7	9.0	9.6	9.4	9.4	9.6	9.7	9.6	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
18	Lê Nguyễn Tường Vân	8.3	6.1	7.3	8.2	7.6	6.7	8.4	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
19	Lê Quang Vũ	7.8	6.5	7.4	8.9	8.8	7.6	8.3	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT

GVCN/*Class Teacher*

Lý Thị Thu Hiền

GĐCTVN/*VP. Manager*

Nguyễn Thị Thanh Nga

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 28, 2022

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

Academic Results of 2021-2022 School Year

Lớp: 6/20
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Foreign Language (English)	GDCD *Civic Education*	Lịch sử & Địa lí *History & Geography*	Khoa học tự nhiên *Natural Sciences*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Minh Anh	9.7	9.7	9.2	9.6	10	9.8	9.8	10	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
2	Nguyễn Thiên Bảo	9.4	9.5	9.0	9.4	9.8	9.6	9.7	10	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
3	Nguyễn An Thái Dương	9.1	9.1	9.0	9.5	9.9	9.7	9.8	10	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
4	Trần Thanh Thùy Dương	8.2	8.0	7.1	8.7	8.3	8.3	9.3	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
5	Hoàng Ngọc Hân	9.0	7.3	8.8	9.3	9.3	9.0	9.0	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
6	Nguyễn Hoàng Bảo Hân	9.5	8.2	7.8	9.0	8.5	8.2	9.3	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
7	Nguyễn Tôn Hiền	9.5	8.5	8.5	9.6	9.6	9.1	9.5	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
8	Phan Đăng Khoa	8.5	8.2	7.9	9.2	9.3	8.4	9.1	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
9	Ngô Phương Lam	9.1	7.6	8.3	9.5	9.1	8.6	9.7	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
10	Nguyễn Ngọc Bảo Long	9.1	9.4	9.3	9.4	9.1	9.5	9.4	9.8	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
11	Dương Quang Nhật Minh	8.8	8.0	7.7	9.1	9.5	8.2	8.5	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
12	Phạm Vũ Minh	8.4	8.6	8.2	9.4	9.3	9.1	9.2	9.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
13	Nguyễn Thị Yến Nhi	8.9	6.9	5.5	8.9	8.6	7.8	8.6	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
14	Nguyễn Gia Phát	8.9	7.5	7.9	9.2	8.5	9.1	8.3	8.9	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
15	Trần Thiên Phú	5.9	5.0	6.4	7.4	6.5	5.7	7.5	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
16	Nguyễn Lưu Ngọc Thùy	9.1	8.0	7.7	9.6	8.7	8.5	9.4	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
17	Đào Lê Minh Thư	9.8	8.6	7.4	9.3	8.7	8.9	9.1	9.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
18	Trần Minh Trí	8.8	8.3	8.4	9.2	9.3	9.4	8.5	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT

GVCN/*Class Teacher*

Trần Thị Trúc Linh

GĐCTVN/*VP. Manager*

Nguyễn Thị Thanh Nga

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 28, 2022

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

Academic Results of 2021-2022 School Year

Lớp: 6/21
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Foreign Language (English)	GDCD *Civic Education*	Lịch sử & Địa lí *History & Geography*	Khoa học tự nhiên *Natural Sciences*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Kiều Anh	7.5	5.2	4.7	8.8	7.6	6.7	8.3	7.0	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
2	Mai Võ Quốc Bảo	7.5	7.4	5.9	8.9	9.0	9.3	8.7	8.5	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
3	Vũ Gia Bảo	8.4	8.3	7.4	9.7	9.4	9.1	8.9	9.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
4	Lê Hữu Duy	7.6	7.8	6.2	9.1	9.1	8.9	8.8	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
5	Nguyễn Hoàng Phú Hào	6.5	5.1	4.1	8.8	8.0	6.6	8.4	7.2	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
6	Nguyễn Hoàng Khánh	8.6	9.2	8.4	9.8	9.4	9.5	9.1	8.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
7	Lê Anh Khoa	7.4	8.5	6.4	9.3	8.9	8.9	8.9	8.4	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
8	La Quế Linh	8.1	5.9	5.6	9.5	9.0	8.1	7.9	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
9	Huỳnh Hoàng Long	7.6	8.0	6.0	9.0	8.0	7.8	9.2	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
10	Trần Tiến Minh	7.1	6.3	6.2	9.3	9.1	8.5	9.4	8.0	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
11	Vũ Trà My	6.7	6.0	6.2	9.3	7.5	7.5	8.8	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
12	Nguyễn Thành Nhân	8.2	6.8	6.3	9.3	9.8	8.6	8.8	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
13	Nguyễn Hà Phong	5.4	6.5	4.5	7.2	8.2	7.2	8.3	7.6	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
14	Trần Nam Phương	6.7	5.6	5.5	9.3	8.8	7.6	8.3	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
15	Võ Trần Hương Quỳnh	8.9	8.5	7.8	9.4	9.3	9.5	9.2	9.5	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
16	Hà Minh Tâm	9.2	7.4	6.0	9.7	9.8	8.9	9.0	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
17	Trần Trí Thành	8.2	8.0	7.7	9.6	9.4	8.6	9.3	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
18	Đặng Đức Thiện	6.8	5.1	4.9	8.8	7.6	7.1	8.7	6.4	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
19	Nguyễn Hữu Toàn	8.0	7.6	6.6	9.3	9.4	8.4	9.6	8.1	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
20	Lê Thị Thùy Trang	8.3	6.6	6.7	9.3	7.7	8.1	8.6	7.9	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
21	Nguyễn Tuấn Tú	9.5	9.7	8.5	9.7	9.9	9.8	9.7	9.8	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT

GVCN/*Class Teacher*

Nguyễn Thị Yến

GĐCTVN/*VP. Manager*

Nguyễn Thị Thanh Nga

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 28, 2022

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

Academic Results of 2021-2022 School Year

Lớp: 6/22
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Ngữ văn *Literature*	Toán *Math*	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Foreign Language (English)	GDCD *Civic Education*	Lịch sử & Địa lí *History & Geography*	Khoa học tự nhiên *Natural Sciences*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learing Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Mức đánh giá Evaluation	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Từ Phạm Trâm Anh	7.1	7.0	7.2	9.5	8.9	8.2	8.6	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
2	Võ Thị Quỳnh Anh	8.8	8.4	7.9	9.4	9.6	9.7	9.0	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
3	Nguyễn Xuân Gia Bảo	7.7	7.5	6.5	9.0	8.8	8.4	8.5	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
4	Trần Gia Bảo	6.8	8.1	7.4	8.7	8.1	8.3	9.1	8.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
5	Nguyễn Lê Bảo Châu	8.8	9.2	9.0	9.6	9.3	8.9	9.2	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
6	Trần Đức Việt Đăng	6.9	6.6	8.1	8.3	8.8	7.8	8.6	7.4	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
7	Nguyễn Phương Đình	8.6	9.2	9.1	9.7	9.4	9.0	9.0	9.9	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
8	Hà Gia Hân	8.8	9.4	9.3	9.5	9.6	9.5	9.1	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
9	Phạm Gia Hân	8.5	9.1	8.9	9.4	9.6	9.5	9.7	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
10	Phan Nguyễn Quỳnh Hương	8.4	9.5	7.2	9.3	9.8	9.2	9.2	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
11	Phạm Đức Đăng Khôi	6.3	7.1	4.5	8.7	8.6	7.4	8.3	7.5	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
12	Vũ Nguyễn Hải Mi	8.6	9.1	9.2	9.5	9.6	9.8	9.4	9.7	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
13	Trần Quốc Nam	6.5	4.8	5.6	8.7	8.0	7.3	7.9	7.4	Đ	Đ	Đ	Đ	ĐẠT	TỐT
14	Nguyễn Lê Thành Nhân	8.1	8.7	8.0	9.2	9.1	8.8	8.7	8.4	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
15	Hoàng Tâm	7.2	7.7	8.3	8.8	9.0	8.4	9.0	7.9	Đ	Đ	Đ	Đ	KHÁ	TỐT
16	Đặng Minh Triết	8.5	8.3	7.9	9.0	9.0	8.7	8.7	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT
17	Đỗ Khánh Vinh	7.7	8.4	8.3	9.5	9.7	9.4	9.3	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	TỐT	TỐT

GVCN/*Class Teacher*

Trần Thị Ngọc Thúy

GĐCTVN/*VP. Manager*

Nguyễn Thị Thanh Nga

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà